TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Từ Quốc Thái Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lữ Duy Minh**

2. Ông **Hoàng Thị Tường Duy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Huyền** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 212/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 40/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã L, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Khu phố 8, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trần Trung D**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Khu phố 8, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà và ông Trần Trung D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2001, tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2001, quyển số 01. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng bà không tìm được tiếng nói chung, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, nên vợ chồng bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề như tiền bạc, cách nuôi dạy giáo dục con cái …, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng bà cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Thời gian gần đây, giữa bà và ông D đã sống ly thân, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa. Hiện bà và các con dọn đến sinh sống tại tổ 10, ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện B, thành phố H. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Trung D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, gồm: cháu Trần Ngân K, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 11/3/2001, đều giới tính: nữ. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngân K, bà không yêu cầu ông Trần Trung D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Ngọc Minh T đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Trần Trung D:* Đã được Tòa án nhân dân thị xã L tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông D không có mặt để giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Trung D.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngân K, sinh ngày: 23/11/2009, giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu mức án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với ông Trần Trung D. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 8, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Bà Nguyễn Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt; ông Trần Trung D đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Trung D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2001, quyển số 01, ngày 05/02/2001, nên

hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N cho rằng bà không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn với ông D. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023, bà N xác nhận từ giữa năm 2009 khi bà đang mang thai cháu Trần Ngân K thì ông D đã không còn quan tâm, chăm sóc gì cho mẹ con bà và kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân ... Hơn nữa, mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ ông D đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà N, thể hiện: *"... quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhiều lần, gia đình đã cố gắng hoà giải nhưng không có kết quả, bà N và ông D đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay ...*". Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông D và bà N đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giữa ông D và bà N có 02 con chung, gồm: cháu Trần Ngọc Minh T, sinh ngày: 11/3/2001 và cháu Trần Ngân K, sinh ngày: 23/10/2009, đều giới tính: Nữ. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, bà không yêu cầu ông Trần Trung D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, yêu cầu nuôi con của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo cho con trẻ được phát triển bình thường, đầy đủ nhất về thể chất và tinh thần. Quá trình vợ chồng sống ly thân thì bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, hiện tại bà N có việc làm, thu nhập ổn định và vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K tốt. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023, cháu Trần Ngân K có nguyện vọng ở với bà N. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông D vẫn không hợp tác, không có ý kiến phản hồi nào gửi đến Tòa. Điều này chứng tỏ ông D không có ý kiến phản bác gì đối với tất cả yêu cầu khởi kiện của bà N, trong đó có vấn đề về nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, ông D được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 58, 69, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Trần Trung D.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngân K, sinh ngày 23/10/2009; Giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Ông Trần Trung D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Ông D được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai số 0016552, ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Trung D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH: UBND phường T, thị xã L;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Từ Quốc Thái Bình